

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

TÔ KIM HUỆ*

Phát triển kinh tế xanh đang trở thành định hướng chiến lược của Việt Nam trong đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện cam kết phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và nâng cao năng lực cạnh tranh. Bài viết làm rõ vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh; đánh giá một số kết quả phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam; nhận diện xu hướng trong thời gian tới; đồng thời, phân tích các vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp - chủ thể trực tiếp chuyển hóa cam kết vĩ mô thành hành động sản xuất - kinh doanh.

Từ khóa: Kinh tế xanh; xu hướng; doanh nghiệp; nhân tố ảnh hưởng; Việt Nam.

Green economic development has become a strategic orientation for Vietnam in transforming its growth model, fulfilling its commitment to achieving net-zero emissions by 2050, and enhancing national competitiveness. This article clarifies the nature, role, and influencing factors of the green economy; assesses several achievements in green economic development in Vietnam; identifies future development trends; and analyzes the issues facing enterprises as the key actors responsible for translating macro-level commitments into production and business practices.

Keywords: Green economy; trends; enterprises; influencing factors; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 12/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 08/7/2026

Email: tokimhue@mof.gov.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1573>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên và yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế xanh đã trở thành xu hướng tất yếu và là động lực quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cùng cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 đang tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, bao trùm và đổi mới sáng tạo. Mặc dù đã đạt được những kết

quả tích cực về hoàn thiện thể chế, phát triển năng lượng tái tạo và tài chính xanh, quá trình chuyển đổi vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt ở cấp độ doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận về kinh tế xanh, đánh giá thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam; đồng thời, phân tích những vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp và đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh hiệu quả.

* ThS, Bộ Tài chính

2. Vai trò của kinh tế xanh

Thứ nhất, kinh tế xanh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Kinh tế xanh không hàm ý đánh đổi tuyệt đối giữa tăng trưởng và môi trường mà tạo động lực tăng trưởng mới thông qua đổi mới công nghệ, năng lượng tái tạo, sản xuất sạch và hạ tầng xanh. Nghiên cứu của Nourhane Houssam & cộng sự (2023) trên 60 quốc gia đang phát triển cho thấy, quan hệ tích cực có ý nghĩa thống kê giữa kinh tế xanh và GDP bình quân đầu người.

Thứ hai, tạo việc làm và cải thiện công bằng xã hội. Chuyển đổi xanh mở rộng “việc làm xanh” trong năng lượng tái tạo, xây dựng xanh, nông nghiệp hữu cơ, tái chế và quản lý chất thải. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), quá trình này có thể tạo hàng triệu việc làm mới trên toàn cầu (Suad Muvakit & Yusuf Bozgeyik, 2025); đồng thời, mở rộng tiếp cận năng lượng sạch cho nhóm thu nhập thấp và cộng đồng dễ bị tổn thương (Nguyễn Thị Huyền Trang, 2024).

Thứ ba, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Phát triển năng lượng mặt trời, năng lượng gió và công nghệ tái tạo giúp cải thiện tiếp cận năng lượng ở khu vực nông thôn. Nourhane Houssam & cộng sự (2023) cho thấy, kinh tế xanh có quan hệ nghịch chiều, có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ nghèo tại các nước đang phát triển, đặc biệt qua đầu tư xanh và bảo tồn môi trường tự nhiên.

Thứ tư, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Suy giảm đa dạng sinh học làm tổn hại hệ sinh thái, điều hòa khí hậu và dịch vụ hệ sinh thái. Kinh tế xanh hướng tới quản lý bền vững tài nguyên, hạn chế mất mát đa dạng sinh học và phục hồi hệ sinh thái quan trọng, qua đó duy trì nền tảng tự nhiên cho hoạt động kinh tế và đời sống con người (Nguyễn Thị Huyền Trang, 2024).

Thứ năm, ứng phó với biến đổi khí hậu. Thông qua giảm phát thải khí nhà kính, phát triển năng lượng sạch và áp dụng công nghệ carbon thấp, kinh tế xanh đóng góp trực tiếp vào mục tiêu giảm nhẹ và thích ứng với biến

đổi khí hậu toàn cầu (Khanh Tran Thi Bao & Hang Nguyen Thi Thu, 2025).

Thứ sáu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Quy định môi trường, tiêu chuẩn phát thải và đầu tư xanh tạo áp lực để doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả tài nguyên và phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường. Theo Suad Muvakit và Yusuf Bozgeyik (2025), các quy định môi trường và đầu tư xanh có thể kích thích đổi mới, nâng năng suất và đóng góp cho tăng trưởng dài hạn.

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế xanh

Một là, thể chế và chính sách. Thể chế quyết định quỹ đạo chuyển đổi xanh. Hệ thống chính sách đồng bộ, quy định môi trường nghiêm ngặt và cơ chế khuyến khích đầu tư xanh sẽ định hướng hành vi doanh nghiệp, nhà đầu tư và người tiêu dùng. Các công cụ quan trọng, gồm: thuế carbon, hệ thống mua bán tín chỉ carbon, trợ cấp năng lượng tái tạo, tiêu chuẩn hiệu quả năng lượng và quy định phát thải. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các quốc gia có khung pháp lý môi trường mạnh thường đạt kết quả tốt hơn (Kim Ngọc & Nguyễn Thị Kim Thu, 2015).

Hai là, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Công nghệ là động lực chuyển đổi từ kinh tế “nâu” sang kinh tế xanh. Các công nghệ năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, thu giữ và lưu trữ carbon, sản xuất sạch và quản lý thông minh giúp giảm cường độ phát thải, tách tăng trưởng khỏi tác động môi trường, trong đó nhấn mạnh đầu tư năng lượng tái tạo là cốt lõi của chiến lược kinh tế xanh.

Ba là, tài chính xanh. Chuyển đổi xanh đòi hỏi vốn lớn, thời gian hoàn vốn dài và khả năng chấp nhận rủi ro cao. Các công cụ gồm trái phiếu xanh, tín dụng xanh, quỹ khí hậu và cơ chế tài chính bền vững. Theo UNEP (2011), nhu cầu tài chính hằng năm để xanh hóa kinh tế toàn cầu khoảng 1,05 - 2,59 nghìn tỷ USD, tương đương khoảng 2% GDP toàn cầu. Thiếu hụt tài chính xanh là rào cản lớn với các nước đang phát triển.

Bốn là, nguồn nhân lực và nhận thức xã hội. Nhận thức của doanh nghiệp, người tiêu dùng và các bên liên quan có thể thúc đẩy hoặc cản trở kinh tế xanh. Nếu chưa nhận thức đầy đủ lợi ích dài hạn hoặc không chấp nhận chi phí ban đầu cao hơn, chuyển đổi sẽ chậm. Đồng thời, nguồn nhân lực có kỹ năng phù hợp với các ngành xanh là điều kiện quan trọng khi nền kinh tế chuyển dịch khỏi các ngành thâm dụng carbon (Khanh Tran Thi Bao & Hang Nguyen Thi Thu, 2025).

Năm là, hợp tác quốc tế và hội nhập toàn cầu. Phát triển kinh tế xanh chịu ảnh hưởng lớn từ các hiệp định và cam kết quốc tế, như: Nghị định thư Kyoto, Hiệp định Paris, cùng các cơ chế hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ (Kim Ngọc & Nguyễn Thị Kim Thu, 2015). Bên cạnh đó, yêu cầu xanh hóa chuỗi cung ứng toàn cầu đang tạo áp lực ngày càng lớn đối với các nền kinh tế mới nổi.

Sáu là, điều kiện tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế. Nền tảng tài nguyên, công nghệ, tài chính và cơ cấu ngành khác nhau làm cho lộ trình chuyển đổi xanh của mỗi quốc gia không giống nhau. Đối với các nước phát triển thường có điều kiện chuyển đổi nhanh hơn, còn các nước đang phát triển phải cân bằng giữa tăng trưởng, việc làm và môi trường.

Bảy là, về bản thân các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp được xem là nhân tố trung tâm trong phát triển kinh tế xanh. Doanh nghiệp trực tiếp tổ chức sản xuất, sử dụng vốn tự nhiên, lựa chọn công nghệ và điều tiết phát thải, vì vậy, có thể là lực đẩy hoặc rào cản của chuyển đổi xanh.

4. Thực trạng phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam và xu hướng phát triển

4.1. Đánh giá sự phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam theo hệ thống chỉ tiêu chuẩn

Hiện nay, việc đánh giá phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam dựa trên Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các cam kết quốc tế từ COP26 đến COP28 sẽ bảo đảm nghiên cứu có tính nhất quán về chính sách; đồng thời, cung

cấp các bằng chứng thực nghiệm dựa trên các con số định lượng cụ thể mà Chính phủ đã xác lập. Hệ thống này bao gồm 5 chỉ tiêu cơ bản: (1) Cường độ phát thải khí nhà kính; (2) Chuyển dịch năng lượng bền vững; (3) Tài chính xanh; (4) Xanh hóa sản xuất và tiêu dùng; (5) Cam kết lộ trình Net Zero.

Nhìn tổng thể, Việt Nam đã có tiến bộ về thể chế, năng lượng và tài chính xanh, song vẫn đối mặt thách thức về định lượng, hiệu quả tài nguyên và khả năng tách rời tăng trưởng khỏi phát thải.

Thứ nhất, chỉ tiêu về cường độ phát thải khí nhà kính (GHG). Theo BIDV (2026), cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP đến năm 2023 giảm khoảng 3,25% so với năm 2014, song tổng phát thải tuyệt đối vẫn tăng mạnh. Điều này cho thấy, áp lực năng lượng cho tăng trưởng còn lớn và mục tiêu tách rời phát triển khỏi ô nhiễm chưa thực chất.

Thứ hai, chỉ tiêu về chuyển dịch năng lượng bền vững. Đây là lĩnh vực có bước tiến nổi bật. Võ Xuân Vinh (2024) cho rằng, công suất lắp đặt điện mặt trời đạt khoảng 16,5 GW vào cuối năm 2020. Theo BIDV (2026), đến năm 2024, Việt Nam sản xuất 44% sản lượng điện từ các nguồn carbon thấp, cao hơn mức trung bình toàn cầu 41%. Tuy nhiên, mức tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP chỉ giảm bình quân 0,11%/năm giai đoạn 2018 - 2021, thấp xa mục tiêu 1 - 1,5%/năm trong Chiến lược quốc gia.

Thứ ba, chỉ tiêu về tài chính xanh. Hệ thống tài chính đang dịch chuyển để huy động nguồn lực. Nguyễn Thị Quỳnh Hương (2026) ghi nhận dư nợ tín dụng xanh đạt khoảng 780 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2025, chiếm 4,19% tổng dư nợ nền kinh tế. BIDV (2026) cho biết, thị trường trái phiếu xanh bước đầu hình thành với tổng giá trị phát hành khoảng 23 nghìn tỷ đồng, tương đương 2,2% quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Mặc dù tín dụng xanh tăng trên 21%/năm, song quy mô vẫn nhỏ so với nhu cầu vốn khoảng 368 tỷ USD cho lộ trình Net Zero.

Thứ tư, chỉ tiêu về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng. Nguyễn Thị Minh Hòa & cộng sự (2025) nhấn mạnh rằng, thay đổi hành vi sản xuất, tiêu dùng là thước đo độ “xanh mạnh” của nền kinh tế. Ở Việt Nam, nông nghiệp xanh có bước tiến khi 62 tỉnh, thành phố triển khai nông nghiệp hữu cơ vào năm 2022. Tỷ trọng kinh tế xanh trên GDP ước đạt khoảng 18 - 20% nếu hiểu theo nghĩa rộng, gồm cả kinh tế số. Tuy nhiên, dữ liệu mua sắm công xanh và tiêu dùng xanh chưa đầy đủ.

Thứ năm, cam kết lộ trình Net Zero. Việt Nam đã luật hóa và cụ thể hóa các cam kết quốc tế. BIDV (2026) khẳng định mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 đã trở thành định hướng quan trọng trong các quy hoạch ngành, đặc biệt là Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Việt Nam cũng tích cực cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), nâng mức giảm phát thải không điều kiện từ 9% lên 15,8% vào năm 2030.

Thực trạng kinh tế xanh tại Việt Nam phản ánh tiến trình dịch chuyển đan xen giữa bứt phá thể chế và các nút thắt thực thi. Tỷ trọng năng lượng tái tạo tăng và cam kết Net Zero được luật hóa cho thấy quyết tâm chiến lược. Tuy nhiên, khoảng cách tài chính xanh, tổng phát thải tuyệt đối tăng, hiệu quả giảm thâm dụng năng lượng còn thấp và dữ liệu tiêu dùng xanh chưa đầy đủ cho thấy, nền kinh tế chưa đạt trạng thái “tách rời hoàn toàn” giữa tăng trưởng và tác động sinh thái.

4.2. Xu hướng phát triển kinh tế xanh trong thời gian tới

Một là, chuyển đổi kép “xanh và số”. Đây là xu hướng dẫn dắt mô hình tăng trưởng mới thông qua tích hợp công nghệ số với mục tiêu bền vững. Theo BIDV (2026), các công nghệ như: trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data) không chỉ tối ưu vận hành mà còn hỗ trợ quản trị năng lượng thông minh và giám sát phát thải theo thời gian thực thông qua hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (Real-time MRV - Measurement, Reporting, and Verification). Qua đó, doanh

nh nghiệp có thể định lượng dấu chân carbon và tăng minh bạch dữ liệu.

Hai là, vận hành thị trường carbon. Thị trường carbon nội địa là xu thế tất yếu nhằm thể chế hóa định giá carbon và chuyển nghĩa vụ môi trường thành động lực kinh tế. Theo lộ trình, Việt Nam dự kiến vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon từ năm 2025 và chính thức hoạt động thương mại từ năm 2029. Cơ chế hạn ngạch phát thải và mua bán tín chỉ carbon giúp nội sinh hóa chi phí ngoại ứng môi trường, tạo áp lực đổi mới công nghệ và mở không gian kinh doanh cho các dự án giảm phát thải, bảo tồn và tái tạo hệ sinh thái.

Ba là, chuyển dịch năng lượng sang Hydrogen xanh. Khi điện gió và điện mặt trời còn hạn chế bởi tính bất định và khó đáp ứng nhu cầu nhiệt lượng cao của công nghiệp nặng, Hydrogen xanh nổi lên như hướng đi chiến lược. Việt Nam đặt mục tiêu sản xuất từ 100.000 - 500.000 tấn Hydrogen xanh mỗi năm vào năm 2030.

Bốn là, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Xu hướng này chuyển mô hình tuyến tính “khai thác - sản xuất - thải bỏ” sang mô hình tuần hoàn, trong đó vật chất được tái chế, tái sử dụng và kéo dài vòng đời. BIDV (2026) dự báo giá trị thị trường kinh tế tuần hoàn của Việt Nam có thể đạt khoảng 2,7 tỷ USD vào năm 2030. Cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) sẽ thúc đẩy doanh nghiệp nội sinh hóa trách nhiệm đối với sản phẩm sau tiêu dùng; đồng thời, phát triển khu công nghiệp sinh thái và cộng sinh công nghiệp.

Năm là, hoàn thiện hạ tầng tài chính bền vững. Chuyển đổi xanh cần bộ đỡ tài chính đủ mạnh. Việt Nam đặt mục tiêu đưa tín dụng xanh đạt 10% tổng dư nợ toàn nền kinh tế vào năm 2030. Để đạt mục tiêu này, cần chuẩn hóa hệ thống phân loại xanh, hoàn thiện khung pháp lý cho trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh và các sản phẩm tài chính bền vững. Hạ tầng này giúp giảm rủi ro “tẩy xanh” và tăng khả năng hấp thụ nguồn tài chính khí hậu quốc tế, nhất là từ Đối tác chuyển dịch năng

lượng công bằng (JETP) và các quỹ môi trường toàn cầu.

5. Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, rào cản về nhận thức và tư duy chiến lược. Một bộ phận doanh nghiệp vẫn coi tiêu chuẩn môi trường là “chi phí” làm giảm lợi nhuận ngắn hạn, thay vì là “khoản đầu tư” cho năng lực cạnh tranh dài hạn. Khi thiếu tầm nhìn tổng thể, các nỗ lực xanh hóa dễ mang tính đối phó, manh mún và có nguy cơ “tẩy xanh” do thiếu hệ quy chiếu chuẩn mực. Theo khảo sát của VCCI năm 2024, các doanh nghiệp vẫn còn “khoảng trống” lớn về nhận thức, thiếu thông tin, thiếu đào tạo và thiếu sự hỗ trợ cụ thể từ chính sách để coi ESG là cơ hội tăng trưởng (BIDV, 2026).

Thứ hai, áp lực tài chính và chi phí đầu tư ban đầu lớn. Chuyển từ “kinh tế nâu” sang “kinh tế xanh” đòi hỏi vốn lớn để thay thế công nghệ cũ bằng dây chuyền tiết kiệm năng lượng, ít phát thải. Trong khi đó, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp vừa và nhỏ, năng lực tài chính mỏng, khả năng tiếp cận tín dụng xanh hoặc trái phiếu xanh còn hạn chế. Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam cần khoảng 368 tỷ USD cho lộ trình Net Zero đến năm 2040, trong đó nguồn lực quốc gia chỉ có thể đáp ứng tối đa 36% dẫn đến khoảng trống tài chính cho doanh nghiệp (BIDV, 2026).

Thứ ba, thách thức về công nghệ và hạ tầng kỹ thuật. Công nghệ sản xuất của nhiều doanh nghiệp còn truyền thống, thâm dụng năng lượng và khó đáp ứng tiêu chuẩn phát thải ngày càng chặt chẽ. Doanh nghiệp cũng thiếu định mức kinh tế - kỹ thuật để lựa chọn quy mô đầu tư phù hợp.

Thứ tư, thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên môn cao. Chuyển đổi xanh làm phát sinh nhu cầu nhân lực am hiểu quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG), kiểm kê khí nhà kính, đo lường phát thải, báo cáo bền vững và tài chính dự án xanh. Theo BIDV (2026), để thực hiện các mục tiêu xanh, riêng ngành năng lượng cần đào tạo từ 25.000 - 35.000 kỹ

sư và chuyên gia trình độ cao. Trong khi thực tế, con số này ở Việt Nam còn chưa đáp ứng được nhu cầu.

Thứ năm, áp lực từ các rào cản thương mại xanh quốc tế. Các thị trường lớn đang áp dụng hàng rào kỹ thuật mới về môi trường, phát thải và chuỗi cung ứng. Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU và các đạo luật thẩm định chuỗi cung ứng bền vững làm giảm lợi thế cạnh tranh dựa trên nhân công giá rẻ. Cơ chế CBAM của EU dự kiến sẽ bao phủ 99% lượng khí thải của các mặt hàng nhập khẩu vào thị trường này, tạo ra rào cản kỹ thuật rất lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nếu không kịp thời xanh hóa.

Thứ sáu, sự thiếu đồng bộ của khung pháp lý và hệ thống dữ liệu. Nỗ lực của doanh nghiệp còn chịu ảnh hưởng từ tính bất định của môi trường thể chế. Hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn kinh tế xanh và Danh mục phân loại xanh đang hoàn thiện, khiến doanh nghiệp khó xác định dự án đủ điều kiện xanh, tiêu chuẩn báo cáo và cơ chế ưu đãi. Mặc dù trong Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định các tiêu chí cơ bản nhưng hệ thống này vẫn cần thêm các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể cho từng chuyên ngành. Việc thiếu các quy chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật xanh khiến doanh nghiệp lúng túng khi xác định dự án đủ điều kiện hưởng ưu đãi.

6. Một số khuyến nghị

Một là, hoàn thiện và đồng bộ hóa khung pháp lý, đặc biệt là hệ thống phân loại xanh và thị trường các-bon. Việt Nam cần hoàn thiện các văn bản pháp luật về tăng trưởng xanh để tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của doanh nghiệp và hưởng lợi từ mô hình này. Trọng tâm là việc ban hành hướng dẫn chi tiết cho Danh mục phân loại xanh quốc gia (theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg) nhằm tạo hệ quy chiếu chuẩn mực cho các dự án đủ điều kiện hưởng ưu đãi. Đồng thời, cần thúc đẩy hoạt động của sàn giao dịch các-bon trong nước (chính thức đưa vào hoạt động từ

ngày 29/6/2026) để tạo cơ chế tài chính linh hoạt giúp doanh nghiệp giảm phát thải hiệu quả thông qua thị trường.

Hai là, hình thành các định chế tài chính dẫn dắt và cơ chế “vốn môi” thông qua Quỹ Tăng trưởng xanh quốc gia. Cần thành lập và vận hành Quỹ này để đóng vai trò “mỏ neo”, sử dụng vốn ngân sách hoặc ODA làm vốn môi để hấp thụ rủi ro sơ khởi, từ đó, dẫn dắt dòng vốn ESG quốc tế và tư nhân vào các dự án xanh. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cần đề xuất lộ trình cụ thể để đưa dư nợ tín dụng xanh ở mức cao hơn (khoảng 10% tổng dư nợ toàn nền kinh tế vào năm 2030) và đa dạng hóa các sản phẩm như trái phiếu chuyển đổi xanh.

Ba là, khuyến khích doanh nghiệp thực hành ESG và thúc đẩy xanh hóa sản xuất qua các ưu đãi tài khóa. Doanh nghiệp cần được hỗ trợ để tích hợp thực hành môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào chiến lược cốt lõi, từ đó, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng các rào cản thương mại xanh quốc tế như CBAM. Nhà nước cần ban hành các chính sách ưu đãi tài chính thiết thực, như: giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm thuế giá trị gia tăng cho các thiết bị công nghệ sạch và hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp chuyển đổi mô hình từ “nâu” sang “xanh”. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), cần có các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và đơn giản hóa thủ tục hành chính để họ dễ dàng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi.

Bốn là, đẩy mạnh chuyển đổi “kép” (xanh và số) gắn với phát triển nguồn nhân lực kỹ năng xanh. Việt Nam cần ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ số, như: AI, IoT và Blockchain trong quản trị năng lượng thông minh, kiểm kê khí nhà kính và minh bạch hóa tài sản xanh để ngăn ngừa rủi ro “tẩy xanh”. Theo đó, cần khởi động chương trình quốc gia về đào tạo kỹ năng xanh, nâng cấp giáo dục nghề nghiệp và đại học để cung ứng đội ngũ chuyên gia am hiểu về ESG, tài chính xanh và kỹ thuật năng lượng tái tạo cho doanh nghiệp. Sự thành

công của kinh tế xanh phụ thuộc trực tiếp vào năng lực đổi mới sáng tạo và chất lượng nguồn nhân lực có khả năng làm chủ công nghệ carbon thấp □

Tài liệu tham khảo:

- Houssam, N., Ibrahiem, D. M., Sucharita, S., El-Aasar, K. M., Esily, R. R., & Sethi, N. (2023). *Assessing the role of green economy on sustainable development in developing countries*. Heliyon.
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2026). *Đề án chuyển đổi xanh*. BIDV.
- Khanh Tran Thi Bao & Hang Nguyen Thi Thu (2025). *Green economic development: Measures for sustainable development for Vietnam*. International Journal of Economics, Business and Management Research.
- Kim Ngọc & Nguyễn Thị Kim Thu (2015). Xu hướng phát triển kinh tế xanh trên thế giới. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, (5), 9-17.
- Nguyễn Thị Huyền Trang (2024). Kinh tế xanh - Xu hướng phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*. <https://lib.hcmulaw.edu.vn/opac/wshowdetail.aspx?intItemID=99603>
- Nguyễn Thị Minh Hòa, Nguyễn Thị Hằng & Lê Hải Yến (20/5/2025). Khung lý luận về kinh tế xanh. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/20/khung-ly-luan-ve-kinh-te-xanh/>
- Nguyễn Thị Quỳnh Hương (23/5/2026). Phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách. *Tạp chí Kinh tế - Tài chính*. <https://tapchikinhjetaichinh.vn/phat-trien-tin-dung-xanh-tai-viet-nam-thuc-trang-v-a-ham-y-chinh-sach-156809.html>
- Suad Muvakit & Yusuf Bozgeyik (2025). The green economy from an economic growth perspective. *Journal of Energy Technologies and Policy*.
- Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- United Nations Environment Programme (2011). *Towards a green economy: Pathways to sustainable development and poverty eradication*. UNEP.
- Võ Xuân Vinh (2024). *Vai trò của kinh tế xanh đối với sự phát triển bền vững tại Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Kinh doanh - UEH.